ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 13 /KH-UBND	*Lạng Sơn, ngày 14 tháng 01 năm 2025*

KẾ HOẠCH
Thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2025

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Hệ thống văn bản

- Luật Giáo dục năm 2019;

- Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở;

- Kế hoạch số 681/KH-BGDĐT ngày 28/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc ban hành Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 2020 - 2025;

- Thông tư số 24/2020/TT-BGDĐT ngày 25/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục vào Đào tạo quy định việc sử dụng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo;

- Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030*(sau đây gọi tắt là Đề án 1918)*.

2. Tình hình mạng lưới trường lớp, học sinh, trình độ đào tạo của đội ngũ

2.1. Quy mô trường lớp, học sinh

Toàn tỉnh hiện có 649 đơn vị trường học, trong đó có 231 trường mầm non, 156 trường tiểu học, 125 trường trung học cơ sở (THCS), 88 trường TH&THCS, 26 trường trung học phổ thông (THPT), 11 trường THCS&THPT, 02 Trung tâm Giáo dục thường xuyên, 09 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và 01 Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn. Tổng số trẻ/học sinh/sinh viên là 209.026.

2.2. Trình độ đào tạo của đội ngũ giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở

Tổng số cán bộ quản lí, giáo viên (CBQL, GV) mầm non, tiểu học, trung học cơ sở toàn tỉnh là 13.845 người. Theo Luật Giáo dục năm 2019, tỉ lệ giáo viên mầm non, tiểu học và trung học cơ sở đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên *(tính đến tháng 12/2024)* là 94,61%, trong đó: giáo viên Mầm non đạt 97,61%, giáo viên Tiểu học đạt 92,52%, giáo viên THCS đạt 93,74%; số đạt trên chuẩn là 22,6%.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Triển khai thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP; đạt các chỉ tiêu đào tạo nâng chuẩn cho CBQL, GV theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP, Kế hoạch số 681/KH-BGDĐT và Đề án 1918 của Ủy ban nhân dân tỉnh, bảo đảm chất lượng đào tạo để triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Số lượng giáo viên tham gia nâng trình độ chuẩn được đào tạo là: **67** người, trong đó:

- Cấp Mầm non: 1**6** người (02 giáo viên thuộc các đơn vị sự nghiệp công lập và 14 giáo viên thuộc các đơn vị ngoài công lập).

- Cấp Tiểu học: đào tạo trình độ đại học **26** giáo viên *(Giáo dục Tiểu học: 20; Giáo dục thể chất: 01; Sư phạm Âm nhạc: 03; Sư phạm Mỹ thuật: 02)*, trong đó: 04 giáo viên liên thông trình độ trung cấp lên trình độ đại học, 22 giáo viên liên thông trình độ cao đẳng lên trình độ đại học.

- Cấp Trung học cơ sở: đào tạo trình độ đại học **25** giáo viên *(Sư phạm Toán: 06; Sư phạm Ngữ văn: 12; Sư phạm Tiếng Anh: 01; Sư phạm Mỹ thuật: 01; Sư phạm Âm nhạc: 01; Sư phạm Lịch Sử: 02; Sư phạm Tiu học: 01; Giáo dục thể chất: 01)*, trong đó: 01 giáo viên liên thông trình độ trung cấp lên trình độ đại học, 24 giáo viên liên thông trình độ cao đẳng lên trình độ đại học.

(Chi tiết danh sách dự kiến tham gia đào tạo tại các phụ lục kèm theo).

2. Đối tượng CBQL, GV thực hiện đào tạo nâng trình độ chuẩn[1]

- CBQL, GV mầm non chưa có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên, tính từ ngày 01/7/2020 còn đủ 07 năm công tác (84 tháng) đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định.

- CBQL, GV tiểu học chưa có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên tiểu học hoặc chưa có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trở lên, tính từ ngày 01/7/2020 còn đủ 08 năm công tác (96 tháng) đối với giáo viên có trình độ trung cấp, còn đủ 07 năm công tác (84 tháng) đối với giáo viên có trình độ cao đẳng đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định.

- CBQL, GV trung học cơ sở chưa có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên hoặc chưa có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trở lên, tính từ ngày 01/7/2020 còn đủ 07 năm công tác (84 tháng) đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định.

---

[1]Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP.

3. Nguyên tắc, cách thức chọn cử CBQL, GV tham gia đào tạo để nâng trình độ chuẩn; quyền và trách nhiệm của CBQL, GV tham gia đào tạo

3.1. Nguyên tắc, cách thức chọn cử CBQL, GV tham gia đào tạo để nâng trình độ chuẩn

- Việc chọn cử CBQL, GV đi đào tạo cần bảo đảm phù hợp với thực trạng đội ngũ giáo viên và điều kiện của các cơ sở giáo dục; không để xảy ra tình trạng thiếu CBQL hoặc GV giảng dạy; bảo đảm khách quan, công khai, công bằng và hiệu quả.

- Việc xác định đối tượng CBQL, GV tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo phải bảo đảm đúng độ tuổi, trình độ đào tạo của CBQL, GV. Ưu tiên bố trí CBQL, GV còn đủ tối thiểu năm công tác tính đến tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP tham gia đào tạo trước. Trường hợp CBQL, GV không đủ năm công tác, không thuộc đối tượng thực hiện nâng chuẩn được đào tạo thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2020/TT-BGDĐT.

3.2. Quyền và trách nhiệm của CBQL, GV tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn[2]

- Được cơ quan quản lý sử dụng tạo điều kiện về thời gian; được hỗ trợ tiền đóng học phí (áp dụng theo quy định hiện hành của pháp luật đối với sinh viên sư phạm).

- Được tính thời gian đào tạo vào thời gian công tác liên tục.

- CBQL, GV được cử đi đào tạo thực hiện các quy định về đào tạo quy chế và quy định về thời gian đào tạo; chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo trong thời gian tham gia các hoạt động đào tạo.

- Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo.

- Trong suốt thời gian khóa học, CBQL, GV vẫn phải thực hiện các nhiệm vụ công tác theo quy định khi không phải tham gia các hoạt động đào tạo.

- Trường hợp CBQL, GV không hoàn thành chương trình đào tạo theo thời gian quy định dẫn đến phải kéo dài thời gian đào tạo thì phải tự túc các khoản chi phí đào tạo phát sinh trong thời gian đào tạo kéo dài.

4. Phương thức, hình thức, thời gian đào tạo

4.1. Phương thức đào tạo

- Tùy tình hình thực tiễn, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo đặt hàng với các trường đại học có uy tín, đảm bảo chất lượng đào tạo, tổ chức liên kết đào tạo trình độ trung cấp hoặc cao đẳng lên đại học. Trường hợp không thể mở lớp đào tạo tại tỉnh, sẽ gửi giáo viên tham gia đào tạo tại các cơ sở giáo

[2]Theo quy định tại Điều 10, Nghị định số 71/2020/NĐ-CP.

dục đại học hoặc giáo viên tự túc đăng ký tại các cơ sở giáo dục đại học để nâng chuẩn theo quy định.

- Địa điểm đặt lớp: Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn, các Trung tâm Giáo dục thường xuyên cấp tỉnh, Trường Trung cấp Cộng đồng Hà Nội - Phân hiệu Lạng Sơn *(đối với các lớp mở được tại tỉnh).*

4.2. Hình thức, thời gian đào tạo

- Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học.

- Thời gian đào tạo:

+ Trình độ trung cấp lên đại học: từ 2,5 năm đến 03 năm.

+ Trình độ cao đẳng lên đại học: từ 1,5 năm đến 02 năm.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí triển khai Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2025:

- Kinh phí thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của CBQL, GV biên chế thuộc các cơ sở giáo dục công lập do ngân sách bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật *(đối với các trường hợp giáo viên được UBND tỉnh phê duyệt danh sách tham gia đào tạo và có Quyết định cử đi học của cơ quan quản lý nhà nước).*

- Các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục bảo đảm kinh phí để chi trả các chế độ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP cho CBQL, GV được cử đi đào tạo nâng trình độ chuẩn.

- Việc thanh toán kinh phí đào tạo nâng trình độ chuẩn của CBQL, GV cho các cơ sở đào tạo đặt hàng theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; tuyên truyền, phổ biến đến đội ngũ CBQL, GV và Nhân dân về Luật Giáo dục 2019 và Nghị định số 71/2020/NĐ-CP và Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo cho CBQL, GV năm 2025.

- Căn cứ chỉ tiêu, số lượng CBQL, GV mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đăng ký tham gia đào tạo; căn cứ chính sách trong tuyển sinh, đào tạo cũng như việc đảm bảo chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục, tham mưu UBND tỉnh lựa chọn các cơ sở giáo dục đào tạo để phối hợp liên kết đào tạo nâng trình độ chuẩn cho CBQL, GV theo từng chuyên ngành; lựa chọn địa điểm phù hợp để đặt các lớp liên kết đào tạo.

- Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch. Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính, UBND các huyện, thành phố, các

cơ quan liên quan bố trí, sắp xếp giáo viên giảng dạy và bố trí chương trình, thời khóa biểu phù hợp để giáo viên vừa làm vừa học; thực hiện các chế độ, chính sách đối với CBQL, GV được cử đi học; thực hiện thu hồi tiền đền bù chi phí đào tạo (nếu có) theo các quy định tại Điều 11 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan quản lý, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch; trước ngày 15/12/2025, tổng hợp, đánh giá kết quả, tình hình thực hiện Kế hoạch năm 2025 báo cáo UBND tỉnh và xây dựng kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo cho giia đoạn tiếp theo.

2. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở ngành liên quan quản lý, kiểm tra, giám sát, tổ chức đánh giá công tác đào tạo CBQL, GV bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

3. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch;hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. UBND các huyện, thành phố

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạoPhòng Giáo dục và Đào tạotriển khai thực hiện Kế hoạch; phối hợp với các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình tại địa phương tổ chức tuyên truyền việc thực hiện Luật Giáo dục năm 2019, Nghị định số 71/2020/NĐ-CP và Kế hoạch này.

- Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách về lương, phụ cấp và các chính sách hiện hành cho giáo viên kịp thời, đúng quy định.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, đánh giá kết quả, tình hình thực hiện Kế hoạch hằng năm và giai đoạn để sơ kết, tổng kết, đánh giá công tác nâng trình độ chuẩn của giáo viên.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở: GDĐT, TC, NV;
- UBND các huyện, thành phố;
- C,PVP UBND tỉnh,
các Phòng: KG-VX, TH, TT TT;
- Lưu: VT, KG-VX (NTH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Dương Xuân Huyên